Ký bởi: Bộ Công Thương
Cơ quan: Bộ Công thương
Thời gian ký: 29.03.2022 16:1

BỘ CÔNG THƯƠNG	CỘNG HÒA XÃ HỘI C[illegible]A VIỆT NAM
	Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 1602/BCT - TTTN	*Hà Nội, ngày 29 tháng 3 năm 2022*
V/v tham gia góp ý đối với Dự thảo hướng dẫn thực hiện và xét công nhận tiêu chí cơ sở hạ tầng thương mại nông thôn giai đoạn 2021 - 2025	

Kính gửi: Sở Công Thương các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương

Ngày 08 tháng 3 năm 2022, Thủ tướng Chính phủ ký ban hành Quyết định số 318/QĐ-TTg về việc Ban hành Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới và Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới nâng cao giai đoạn 2021 – 2025. Theo đó, Bộ Công Thương dự thảo Quyết định của Bộ trưởng Bộ Công Thương về việc hướng dẫn thực hiện và xét công nhận Tiêu chí cơ sở hạ tầng thương mại nông thôn trong Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông mới và xã nông thôn mới nâng cao giai đoạn 2021 – 2025.

Để có cơ sở hoàn chỉnh văn bản hướng dẫn, Bộ Công Thương đề nghị Sở Công Thương các tỉnh, thành phố, nghiên cứu và góp ý đối với dự thảo nêu trên (*Dự thảo gửi kèm theo*).

Ý kiến góp ý của quý Sở xin gửi về Bộ Công Thương trước ngày 08 tháng 4 năm 2022 bằng văn bản và email qua địa chỉ huantv@moit.gov.vn để tổng hợp./.

Nơi nhận:
- Như trên;
- TTr.Nguyễn Sinh Nhật Tân (để b/c);
- Cục CTĐP (để phối hợp);
- Lưu: TTTN, HTTM.

TL. BỘ TRƯỞNG
KT.VỤ TRƯỞNG VỤ THỊ TRƯỜNG TRONG NƯỚC
PHÓ VỤ TRƯỞNG

Lê Việt Nga

BỘ CÔNG THƯƠNG ----------	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc ----------
Số: /QĐ-BCT	*Hà Nội, ngày tháng 4 năm 2022*

DỰ THẢO

QUYẾT ĐỊNH

VỀ VIỆC HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN VÀ XÉT CÔNG NHẬN TIÊU CHÍ CƠ SỞ HẠ TẦNG THƯƠNG MẠI NÔNG THÔN TRONG BỘ TIÊU CHÍ QUỐC GIA VỀ XÃ NÔNG THÔN MỚI VÀ XÃ NÔNG THÔN MỚI NÂNG CAO GIAI ĐOẠN 2021 – 2025

BỘ TRƯỞNG BỘ CÔNG THƯƠNG

Căn cứ Nghị định số 98/2017/NĐ-CP ngày 18 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Công Thương;

Căn cứ Quyết định số 263/QĐ-TTg ngày 22 tháng 02 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia về xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025;

Căn cứ Quyết định số 318/QĐ-TTg ngày 08 tháng 3 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới và Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới nâng cao giai đoạn 2021-2025;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Thị trường trong nước,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Hướng dẫn thực hiện và xét công nhận Tiêu chí cơ sở hạ tầng thương mại nông thôn trong Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới và xã nông thôn mới nâng cao ban hành kèm theo Quyết định số 318/QĐ-TTg ngày 08 tháng 3 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới và Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới nâng cao giai đoạn 2021 – 2025.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành và thay thế Quyết định số 4800/QĐ-BCT ngày 08 tháng 12 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Công Thương về việc hướng dẫn thực hiện và xét công nhận tiêu chí cơ sở hạ tầng thương mại nông thôn trong Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới giai đoạn 2016 – 2020.

Điều 3. Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, Giám đốc Sở Công Thương, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- BCĐTW CTMTQG xây dựng NTM (để b/c);
- BCĐ CTMTQG xây dựng NTM các tỉnh, thành phố;
- Bộ trưởng (để b/c);
- Sở Công Thương các tỉnh, thành phố;
- Cục CTĐP;
- Lưu: VT, TTTN.

Nguyễn Sinh Nhật Tân

HƯỚNG DẪN

THỰC HIỆN VÀ XÉT CÔNG NHẬN TIÊU CHÍ CƠ SỞ HẠ TẦNG THƯƠNG MẠI NÔNG THÔN TRONG BỘ TIÊU CHÍ QUỐC GIA VỀ XÃ NÔNG THÔN MỚI VÀ XÃ NÔNG THÔN MỚI NÂNG CAO GIAI ĐOẠN 2021 – 2025

(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-BCT ngày tháng 4 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Công Thương)

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Trong Hướng dẫn này các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. "Cơ sở hạ tầng thương mại xã nông thôn mới" là hạ tầng thương mại được thiết lập tại địa bàn xã, bao gồm chợ nông thôn hoặc cơ sở bán lẻ khác (siêu thị mini hoặc cửa hàng tiện lợi hoặc cửa hàng kinh doanh tổng hợp) theo tiêu chí quy định cụ thể đối với từng loại hình tại Chương II của Hướng dẫn này.

2. Nông thôn là khu vực địa giới hành chính không bao gồm địa bàn phường thuộc thị xã, quận và thành phố (theo quy định tại Nghị định 57/2018/NĐ-CP ngày 17 tháng 4 năm 2018 của Chính phủ về cơ chế, chính sách khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn.

3. Chợ nông thôn là chợ mang tính truyền thống, được tổ chức tại một địa điểm theo quy hoạch, kế hoạch phát triển của địa phương được cấp có thẩm quyền phê duyệt nhằm đáp ứng các nhu cầu mua bán, trao đổi hàng hóa và nhu cầu tiêu dùng của khu vực dân cư.

4. Cơ sở bán lẻ khác:

4.1. Siêu thị mini: Là loại hình siêu thị có diện tích nhỏ hơn và danh mục hàng hóa kinh doanh với số lượng tên hàng ít hơn siêu thị hạng III, siêu thị hạng III là loại hình siêu thị theo quy định hiện hành.

4.2. Cửa hàng tiện lợi hoặc cửa hàng kinh doanh tổng hợp ở nông thôn: Là loại hình cơ sở bán lẻ quy mô nhỏ; kinh doanh hàng hóa, dịch vụ thiết yếu với cuộc sống, sinh hoạt hàng ngày của người dân.

5. Điểm kinh doanh tại chợ là quầy hàng, sạp hàng, ki ốt, cửa hàng được bố trí trong phạm vi chợ.

Chương II

TIÊU CHÍ CƠ SỞ HẠ TẦNG THƯƠNG MẠI NÔNG THÔN

I. Chợ nông thôn

Chợ nông thôn đạt tiêu chí khi đáp ứng các yêu cầu sau:

1. Về mặt bằng, diện tích xây dựng chợ

a) Có mặt bằng phù hợp với quy mô; đảm bảo cho các hộ kinh doanh cố định, không cố định và có các dịch vụ thiết yếu tại chợ như: nhà quản lý chợ, nơi trông giữ xe, nhà vệ sinh công cộng, khu thu gom rác thải, hệ thống thoát nước…

b) Diện tích tối thiểu cho một điểm kinh doanh trong chợ là $3m^2$.

2. Về kết cấu nhà chợ chính:

Nhà chợ chính phải bảo đảm được xây dựng kiên cố hoặc bán kiên cố theo quy định.

3. Về yêu cầu đối với các bộ phận phụ trợ và kỹ thuật công trình:

a) Có bảng hiệu thể hiện tên chợ, địa chỉ và số điện thoại liên hệ của đại diện tổ chức quản lý chợ.

b) Nền chợ phải được bê tông hóa.

c) Có khu vệ sinh bố trí nam, nữ riêng.

d) Có địa điểm trông giữ xe (ngoài trời hoặc có mái che) đáp ứng và phù hợp nhu cầu mua, bán tại chợ, đảm bảo an toàn, trật tự.

đ) Khu bán thực phẩm tươi sống. khu dịch vụ ăn uống được bố trí riêng, đảm bảo điều kiện về an toàn vệ sinh thực phẩm.

e) Có hệ thống cấp nước sạch và nguồn nước hợp vệ sinh bảo đảm cho hoạt động của chợ.

f) Có hệ thống cấp điện theo quy định đảm bảo cho hoạt động của chợ.

g) Có khu thu gom, lưu chứa rác và kế hoạch vận chuyển rác trong ngày về khu xử lý tập trung của địa phương.

h) Có hệ thống rãnh thoát nước bảo đảm tiêu thoát, dễ dàng thông tắc.

i) Có thiết bị phòng cháy, chữa cháy đảm bảo tiêu chuẩn theo quy định; Có phương án đảm bảo phòng cháy và chữa cháy kịp thời.

4. Về điều hành quản lý chợ:

a) Có tổ chức quản lý chợ; việc tổ chức kinh doanh, khai thác và quản lý thực hiện theo quy định.

b) Có Nội quy chợ được niêm yết công khai để điều hành hoạt động, xử lý vi phạm tại chợ.

c) Có sử dụng cân đối chứng, thiết bị đo lường phù hợp để người tiêu dùng tự kiểm tra về số lượng, khối lượng hàng hóa.

d) Các hàng hóa, dịch vụ kinh doanh tại chợ không thuộc danh mục cấm kinh doanh theo quy định của pháp luật. Đối với các hàng hóa, dịch vụ hạn chế kinh doanh và kinh doanh có điều kiện phải đảm bảo đáp ứng theo quy định của pháp luật hiện hành.

II. Cơ sở bán lẻ khác

1. Siêu thị mini

a) Có bảng hiệu thể hiện tên siêu thị, địa chỉ và số điện thoại liên hệ của đại diện tổ chức, cá nhân quản lý.

b) Có thời gian mở cửa phù hợp phục vụ việc mua sắm hàng ngày của người dân.

c) Có diện tích kinh doanh từ 200m^2; có nơi để xe và hoạt động trông giữ xe, đảm bảo an toàn.

d) Danh mục hàng hóa kinh doanh từ 500 tên hàng trở lên; hàng hóa được sắp xếp và ghi chép theo ngành hàng, nhóm hàng bảo đảm thuận lợi cho việc kiểm tra, theo dõi.

đ) Có phân chia thành các khu vực chức năng riêng: Khu bày bán hàng với đầy đủ giá, kệ, giỏ, móc treo, túi...; Khu đóng gói với trang thiết bị cần thiết; Khu thanh toán với trang bị phần mềm quản lý khoa học; Kho bảo quản thực phẩm tươi sống với trang bị kỹ thuật cần thiết (tủ đông, tủ mát...); Khu vực bố trí tủ để bảo

quản hành lý cá nhân khi vào mua sắm; Khu nhà vệ sinh; Khu trông giữ phương tiện.

e) Các công trình kiến trúc được xây dựng vững chắc, có trang bị kỹ thuật đảm bảo việc phòng cháy, chữa cháy, đảm bảo an toàn và vệ sinh môi trường.

f) Tổ chức, bố trí hàng hóa theo ngành hàng, nhóm hàng một cách văn minh, khoa học để phục vụ khách hàng lựa chọn, mua sắm, thanh toán thuận tiện, nhanh chóng.

g) Các hàng hóa, dịch vụ kinh doanh tại siêu thị mini không thuộc danh mục cấm kinh doanh theo quy định của pháp luật. Đối với các hàng hóa, dịch vụ hạn chế kinh doanh và kinh doanh có điều kiện phải đảm bảo đáp ứng theo quy định của pháp luật hiện hành.

2. Cửa hàng tiện lợi hoặc cửa hàng kinh doanh tổng hợp

a) Có bảng hiệu thể hiện tên cửa hàng tiện lợi hoặc cửa hàng kinh doanh tổng hợp, địa chỉ và số điện thoại liên hệ của đại diện tổ chức quản lý.

b) Có thời gian mở cửa phù hợp phục vụ việc mua sắm hàng ngày của người dân.

c) Có diện tích kinh doanh tối thiểu từ 50m^2 trở lên và có nơi để xe với quy mô phù hợp.

d) Danh mục hàng hóa kinh doanh từ 200 tên hàng trở lên.

đ) Có bố trí quầy hoặc khu vực phù hợp để trưng bày hoặc bán hàng hóa nông sản của địa phương.

e) Công trình kiến trúc được xây dựng vững chắc, đảm bảo các yêu cầu: an toàn, phòng cháy, chữa cháy, vệ sinh môi trường, thuận tiện cho khách hàng.

f) Có trang thiết bị cần thiết (tủ đông, tủ mát, kệ, giá...) để bảo quản hàng hóa và đáp ứng nhu cầu mua sắm của khách hàng.

g) Tổ chức, bố trí hàng hóa một cách văn minh, khoa học thuận tiện cho khách hàng lựa chọn, mua sắm và thanh toán; sắp xếp và ghi chép thuận lợi cho công tác kiểm tra, quản lý.

h) Các hàng hóa, dịch vụ kinh doanh tại cửa hàng tiện lợi hoặc cửa hàng kinh doanh tổng hợp không thuộc danh mục cấm kinh doanh theo quy định của pháp

luật. Đối với các hàng hóa, dịch vụ hạn chế kinh doanh và kinh doanh có điều kiện phải đảm bảo đáp ứng theo quy định của pháp luật hiện hành.

Chương III

XÉT CÔNG NHẬN XÃ ĐẠT TIÊU CHÍ CƠ SỞ HẠ TẦNG THƯƠNG MẠI NÔNG THÔN MỚI

I. Đối với xã có cơ sở hạ tầng thương mại nông thôn

Việc xét, công nhận xã đạt Tiêu chí cơ sở hạ tầng thương mại nông thôn mới được thực hiện theo thứ tự ưu tiên sau: Xã có "Chợ nông thôn" được ưu tiên xét, công nhận trước; Trường hợp xã không có "Chợ nông thôn" thì "Cơ sở bán lẻ khác" được đưa ra để xem xét, đánh giá và xét công nhận.

Xã được công nhận đạt Tiêu chí cơ sở hạ tầng thương mại nông thôn mới khi đáp ứng theo thứ tự ưu tiên các nội dung sau:

1. Có chợ nông thôn trong quy hoạch, kế hoạch phát triển và đạt chuẩn theo quy định tại mục I, Chương II của Hướng dẫn kèm theo Quyết định này.

2. Trường hợp xã không có chợ nông thôn: Có siêu thị mini hoặc cửa hàng tiện lợi hoặc cửa hàng kinh doanh tổng hợp đạt chuẩn theo quy định tại mục II, Chương II của Hướng dẫn kèm theo Quyết định này.

II. Đối với xã chưa có hoặc không có cơ sở hạ tầng thương mại nông thôn

Trường hợp xã có cơ sở hạ tầng thương mại nông thôn trong quy hoạch, kế hoạch nhưng chưa xây dựng hoặc xã không có cơ sở hạ tầng thương mại nông thôn: Sẽ không xem xét Tiêu chí cơ sở hạ tầng thương mại nông thôn trong kỳ đánh giá. Các xã trong trường hợp này được đưa vào xem xét, đánh giá khi đã được bổ sung quy hoạch, kế hoạch phát triển và đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng thương mại nông thôn.

Việc xét công nhận xã đạt chuẩn nông thôn mới được thực hiện trên cơ sở xem xét, đánh giá các Tiêu chí còn lại trong Bộ tiêu chí quốc gia xây dựng nông thôn mới.

Chương IV

XÉT CÔNG NHẬN XÃ ĐẠT TIÊU CHÍ CƠ SỞ HẠ TẦNG THƯƠNG MẠI NÔNG THÔN MỚI NÂNG CAO

Xã được công nhận đạt tiêu chí cơ sở hạ tầng thương mại nông thôn mới nâng cao khi đáp ứng một trong hai điều kiện dưới đây:

Có chợ nông thôn đáp ứng tiêu chí cơ sở hạ tầng thương mại nông thôn mới như quy định tại chương III nêu trên và đáp ứng một phần hoặc đầy đủ các tiêu chí/yêu cầu quy định tại TCVN 11856:2017 về chợ kinh doanh thực phẩm.

Các tiêu chí/tiêu chí quy định tại TCVN 11857: 2017 bao gồm:

1. Tiêu chí/yêu cầu chung:

- Yêu cầu về vị trí, địa điểm;

- Yêu cầu về bố trí;

- Yêu cầu về thiết kế;

- Yêu cầu về hệ thống chiếu sáng;

- Yêu cầu về nước sử dụng trong chợ và hệ thống thoát nước;

- Yêu cầu về kho, khu vực bảo quản thực phẩm;

- Yêu cầu đối với khu giết mổ gia cầm;

- Yêu cầu về an toàn phòng cháy và chữa cháy;

- Yêu cầu về vệ sinh môi trường;

- Yêu cầu về nhà vệ sinh.

2. Tiêu chí/yêu cầu đối với cơ sở kinh doanh thực phẩm:

- Yêu cầu chung đối với cơ sở kinh doanh thực phẩm tại chợ;

- Yêu cầu đối với cơ sở kinh doanh sản phẩm động vật;

- Yêu cầu đối với cơ sở bán thủy hải sản tươi sống;

- Yêu cầu đối với cơ sở kinh doanh rau, củ, quả;

- Yêu cầu đối với cơ sở kinh doanh dịch vụ ăn uống;

- Yêu cầu đối với cơ sở kinh doanh các loại thực phẩm khác;

- Yêu cầu đối với người trực tiếp chế biến, kinh doanh thực phẩm tại chợ;

- Yêu cầu truy xuất nguồn gốc.

3. Tiêu chí/yêu cầu đối với tổ chức quản lý chợ, thực hiện các nhiệm vụ:

- Xây dựng các nội quy, trong đó bao gồm quy định về công tác bảo đảm vệ sinh, an toàn thực phẩm tại chợ;

- Hướng dẫn các hộ kinh doanh thực phẩm thực hiện nội quy kinh doanh tại chợ;

- Kiểm tra, giám sát công tác bảo đảm an toàn thực phẩm tại chợ;

- Báo cáo và lưu hồ sơ về việc kiểm tra an toàn thực phẩm tại chợ;

- Cán bộ quản lý về an toàn thực phẩm tại chợ phải có kiến thức bảo đảm an toàn thực phẩm.

UBND cấp tỉnh căn cứ vào các tiêu chí/yêu cầu quy định tại TCVN 11856: 2017 để lựa chọn, điều chỉnh xây dựng bộ tiêu chí và đánh giá xét công nhận cho phù hợp với điều kiện thực tiễn phát triển của địa phương.

Trường hợp xã không có chợ nông thôn đạt tiêu chí cơ sở hạ tầng thương mại nông thôn mới nâng cao, việc xét công nhận xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao được thực hiện trên cơ sở xem xét, đánh giá các Tiêu chí còn lại trong Bộ tiêu chí quốc gia xây dựng nông thôn mới.

Chương V

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (UBND cấp tỉnh) căn cứ hướng dẫn tại Quyết định này có trách nhiệm:

1. Ban hành quy định và hướng dẫn chi tiết Tiêu chí cơ sở hạ tầng thương mại nông thôn phục vụ cho việc xét công nhận xã đạt chuẩn nông thôn mới và nông thôn mới nâng cao phù hợp với điều kiện thực tế của địa phương.

2. Chỉ đạo Sở Công Thương chủ trì, phối hợp với các Sở, ngành liên quan xây dựng mới hoặc rà soát, sửa đổi, bổ sung quy hoạch, kế hoạch, cơ chế chính sách về cơ sở hạ tầng thương mại nông thôn, trình cấp có thẩm quyền phê duyệt phù hợp với thực tế tại địa phương.

3. Ban hành cơ chế, chính sách thu hút đầu tư phát triển cơ sở hạ tầng thương mại nông thôn trên địa bàn phù hợp với các quy định pháp luật hiện hành về ưu đãi đầu tư.

4. Xây dựng cơ chế hỗ trợ từ nguồn ngân sách địa phương, kinh phí xây dựng nông thôn mới và các nguồn vốn hợp pháp khác cho đầu tư phát triển cơ sở hạ tầng thương mại nông thôn trong thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia về xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021 – 2025.

5. Chỉ đạo Sở Công Thương tổng hợp, đánh giá việc thực hiện Tiêu chí cơ sở hạ tầng thương mại nông thôn và gửi báo cáo (6 tháng, báo cáo tổng kết năm) về Ủy ban nhân dân tỉnh và Bộ Công Thương (Vụ Thị trường trong nước) để tổng hợp báo cáo Ban Chỉ đạo Trung ương.

6. Về kinh phí

6.1. Kinh phí thực hiện các hoạt động tập huấn, hướng dẫn thực hiện; kiểm tra, đánh giá tình hình, kết quả được cấp từ nguồn kinh phí hàng năm của Bộ Công Thương cho đơn vị chủ trì thực hiện Tiêu chí cơ sở hạ tầng thương mại nông thôn (Vụ Thị trường trong nước).

6.2. Kinh phí thực hiện các hoạt động của địa phương: Do địa phương cân đối, phân bổ nguồn kinh phí để thực hiện theo quy định./.